

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II

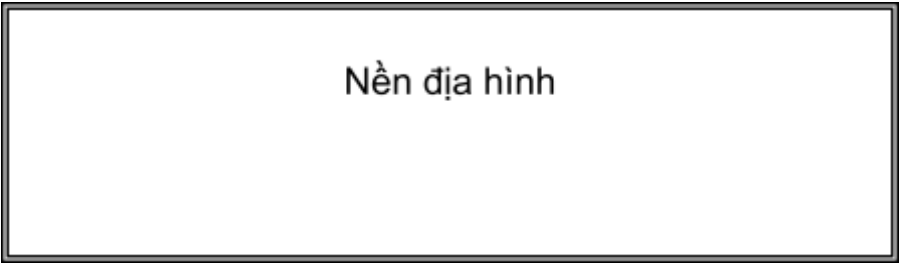
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,(tên
cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số
.../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)



“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ
lệ..., kinh tuyến trục...,
múi chiều..., số
hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹
.....
(Ký, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Khung tọa
độ

¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.

2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.

3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.